

Vb 9
36840

PTS. ĐÌNH NGỌC BẢO
PGS. PTS NGHIÊM ĐÌNH VỸ

LỊCH SỬ ĐẠI CƯỜNG

NH
M
HƯ VI

/94
002

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM I - HÀ NỘI
HÀ NỘI - 1994

PTS. ĐINH NGỌC BẢO
PGS, PTS. NGHIÊM ĐÌNH VỸ

LỊCH SỬ ĐẠI CƯƠNG

Giáo trình cho sinh viên khoa Giáo dục tiểu học



TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI I
HÀ NỘI 1994

LỜI NÓI ĐẦU

Bộ môn Lịch sử là một phân môn, một bộ phận của môn học "Tìm hiểu tự nhiên và xã hội" trong chương trình đào tạo của khoa GDTH. Hơn bất cứ một ngành khoa học nào khác, khoa học Lịch sử chuyên nghiên cứu về quá trình phát sinh, phát triển của xã hội loài người từ khi có con người xuất hiện trên trái đất cho đến ngày nay. Nói cách khác, bộ môn lịch sử sẽ là môn học duy nhất cho ta biết về các mô hình của các xã hội đã qua. Vì thế, mặc dù hết sức sơ lược và khái quát, chúng tôi cố gắng đưa vào chương trình môn học phần "Sự hình thành và phát triển của xã hội loài người" nhằm giới thiệu cho sinh viên tiến trình phát triển chung của lịch sử nhân loại như là một quá trình lịch sử - tự nhiên và qua đó giới thiệu được các mô hình xã hội đã từng tồn tại trong lịch sử. Phần lịch sử Việt Nam chủ yếu giới thiệu truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc. Chúng tôi hi vọng rằng qua môn học Lịch sử, sinh viên của khoa GDTH không những sẽ được trang bị thêm về những kiến thức có tính chất lý luận về môn học "tìm hiểu tự nhiên và xã hội" mà còn được đi sâu tìm hiểu những vấn đề cụ thể của lịch sử thế giới và lịch sử dân tộc, giúp cho việc giảng dạy tốt hơn các bài lịch sử ở lớp 4 và 5 trường PTCS.

PHẦN I

SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI LOÀI NGƯỜI

BÀI 1

XÃ HỘI NGUYÊN THỦY

1- SỰ XUẤT HIỆN LOÀI NGƯỜI VÀ ĐỜI SỐNG BẦY NGƯỜI NGUYÊN THỦY.

Lịch sử loài người cho ta biết những sự việc diễn ra trong đời sống con người kể từ khi nó xuất hiện trên trái đất. Vậy con người xuất hiện từ bao giờ và do đâu mà có? Trước kia do ảnh hưởng của tôn giáo, người ta tin rằng: con người là do Thượng đế hay một vị thần linh thiêng nào đó sinh ra, cùng với cỏ cây và muôn loài. Sự thật không phải như vậy. Khoa học, đặc biệt là khảo cổ học và cổ sinh học đã tìm được bằng cứ nói lên sự phát triển lâu dài của sinh giới, từ động vật bậc thấp lên động vật bậc cao, mà đỉnh cao là quá trình chuyển biến từ vượn thành người.

Ở chặng đầu tiên của quá trình này, có một loài vượn cổ, sống cách đây khoảng 6 triệu năm, đã có thể đứng và đi bằng hai chân, hai chi trước đã có thể cầm, nắm. Về sau, do khí hậu thay đổi, loài vượn này phải xuống sống dưới mặt đất, nhờ thế chúng quen dần với cách đi đứng bằng hai chân, hai chi trước chỉ chuyên để cầm nắm. Loài vượn nhân hình đã chuyển biến dần thành Người tối cổ, sống cách đây khoảng 3,5 triệu năm đến 40 vạn năm. Di cốt của Người tối cổ đã được

tìm thấy ở Đông Phi, Giava (Indônêxia), Bắc Kinh (Trung Quốc) và nhiều nơi khác.

Do trình độ thấp kém, công cụ thô sơ, lại sống trong điều kiện thiên nhiên hoang dã, Người tối cổ không thể sống lẻ loi, mà đã biết tập hợp lại với nhau thành từng bầy, cùng lao động, tìm kiếm thức ăn và đấu tranh chống thú dữ tự vệ. Khác với bầy động vật hình thành một cách tự nhiên theo quan hệ hợp đoàn, *bầy người nguyên thủy* là tổ chức xã hội đầu tiên của loài người trong đó có người đứng đầu, có sự phân công lao động giữa nam và nữ, mọi người đều có nghĩa vụ đi săn bắt, tìm kiếm thức ăn, bảo vệ lẫn nhau và trông nom con cái.

Để giúp cho việc tìm kiếm thức ăn được dễ dàng hơn, Người tối cổ đã biết sử dụng những hòn đá, cành cây có sẵn để làm công cụ, sau đó họ đã biết lấy những mảnh đá hay hòn cuội lớn, ghè vát một bên, rồi hai bên cho sắc và vừa tay cầm, làm thành những chiếc rìu tay. Với những chiếc rìu thô kệch này, Người tối cổ có thể dùng để chặt cây, đào bới củ hoặc dùng làm vũ khí tự vệ hay tấn công khi săn bắt thú. Vì thế người ta gọi là những chiếc rìu tay "van năng". Đồng thời, từ chỗ biết giữ lửa tự nhiên để nướng chín thức ăn, sưởi ấm và xua đuổi thú dữ, dần dần Người tối cổ đã biết ghè hai mảnh đá với nhau để tạo ra lửa. Đó là một phát minh quan trọng, góp phần cải thiện căn bản đời sống của con người.

Mặc dù vậy, ở thời kì bầy người, con người sống chủ yếu vẫn nhờ săn bắt và hái lượm. Cuộc sống tự nhiên "ăn lông ở lỗ", cuộc sống gian khổ, bấp bênh như thế kéo dài triền miên hàng triệu năm.

2- SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG XÃ THỊ TỘC.

Chỉ đến thời đá cũ hậu kì (khoảng 4 vạn năm trước đây), nhờ có lao động, con người mới hoàn thành quá trình tự cải biến mình và trở thành Người tinh khôn. Người tinh khôn có cấu tạo cơ thể như người ngày nay, vì thế còn được gọi là Người hiện đại.

Từ khi Người tinh khôn xuất hiện, bầy người nguyên thủy cũng dần dần tan rã. Thay thế cho bầy người đồng đúc trước kia là những

nhóm người với khoảng mười, mười lăm gia đình, gồm 2-3 thế hệ già, trẻ cùng có chung dòng máu. Mỗi nhóm như thế gọi là một thị tộc, tức là những người "cùng họ". Trải qua nhiều đời, số thị tộc ngày càng đông hơn. Một nhóm các thị tộc vốn có cùng nguồn gốc tổ tiên xa xôi, có họ hàng với nhau và sống cạnh nhau gọi là bộ lạc. Trong cùng một bộ lạc, các thị tộc sống gần bó với nhau, giúp đỡ lẫn nhau trong lao động và trong các cuộc "xung đột".

Trong thời kì đầu, khi thị tộc mới hình thành, người phụ nữ có vai trò chính trong việc quản lí và phân chia thức ăn hàng ngày cho các thành viên trong thị tộc. Việc kết hôn cũng do bên gái chủ động. Con cái sinh ra đều lấy theo họ mẹ. Người ta gọi đó là chế độ thị tộc mẫu hệ.

Về sau do sản xuất ngày càng phát triển, nhất là từ khi có công cụ bằng kim loại, việc chăn nuôi từng đàn gia súc lớn, khai hoang mở rộng diện tích trồng trọt... đòi hỏi sức lực và kinh nghiệm sản xuất của người đàn ông. Do nắm vững thời vụ và công việc đồng áng, người đàn ông dần dần nắm quyền điều hành mọi công việc trong gia đình và thị tộc. Quyền chủ động kết hôn chuyển sang đàn ông, con cái tính theo dòng họ cha. Chế độ thị tộc phụ hệ đã xuất hiện và dần dần thay thế cho thị tộc mẫu hệ.

Trong suốt thời kì tồn tại của công xã thị tộc, loài người đã đạt được những thành tựu hết sức quan trọng trong đời sống kinh tế và xã hội.

Do không ngừng cải tiến kĩ thuật chế tác, con người đã chế tạo được nhiều công cụ ngày càng sắc bén hơn, nhất là khi biết chế ra cung tên, việc săn bắn có hiệu quả hơn nhiều. Từ thời đại đá mới, ngoài kĩ thuật ghè đẽo, con người đã biết đến kĩ thuật mài, khoan và cưa đá, nhờ thế người ta mới chế tạo được những công cụ có hình dáng gọn, đẹp và chính xác, nhiều kiểu loại thích hợp với từng công việc khác nhau. Nhờ thế mà năng suất lao động tăng lên một cách đáng kể.

Cùng vào thời đại đồ đá mới, con người từ chỗ chỉ biết săn bắn, hái lượm, đánh cá, đã biết trồng trọt và chăn nuôi gia súc. Từ đây, con người đã tự sản xuất ra được thức ăn, chứ không chỉ thu lượm những

gì có sẵn ở thiên nhiên. Họ đã chuyển dần từ nền kinh tế thu lượm sang nền kinh tế sản xuất. Người ta cũng đã biết đem lưới đánh cá bằng sợi vỏ cây và làm chõ lưới bằng đất nung, biết làm đồ gốm để đựng và đun nấu, biết dệt vải để làm quần áo, biết làm vòng cổ bằng vỏ ốc và hạt xương, vòng tay, vòng cổ chân, hoa tai bằng đá màu ...

Như thế con người đã từng bước cải thiện được đời sống vật chất của mình. Mặc dù lương thực ăn kiếm được đã tăng lên đáng kể, người ta vẫn phải chặt vật làm mới kiếm được đủ ăn năm này qua năm khác, "khẩu phần ăn" hàng ngày là tất cả những gì họ kiếm được trong ngày hôm đó. Người ta chưa có gì thừa mà để dành, chưa có gì riêng mà cất giữ. Họ sống cùng nhau mấy gia đình, thậm chí cả thị tộc trong một ngôi nhà lớn. Ở đó họ cùng ăn, cùng nhường nhịn, san sẻ cho nhau. Người ta cũng chưa phân biệt đâu là quyền lợi và đâu là nghĩa vụ. Mọi người đều phải chung lưng đấu cật, hợp sức với nhau cùng đi săn, cùng hái lượm hoa quả, hay cùng vỡ đất để trồng cấy. Cuộc sống cộng đồng, cùng làm cùng hưởng đó trong các thị tộc được gọi là công xã thị tộc.

3- SỰ TAN RÃ CỦA XÃ HỘI NGUYÊN THỦY VÀ SỰ HÌNH THÀNH XÃ HỘI CÓ GIAI CẤP.

Trong suốt thời gian dài, công cụ lao động của loài người chủ yếu bằng đá, bằng xương và tre gỗ. Về sau người ta bắt đầu chế tạo đồ dùng và công cụ bằng đồng. Thoạt tiên người ta chỉ biết đến đồng đỏ, tức là đồng nguyên chất vào khoảng 5500 năm trước đây. Khoảng 4000 năm trước đây, con người biết sử dụng đồng thau và đến khoảng 3000 năm trước đây, đồ sắt bắt đầu xuất hiện. Từ khi đồ sắt xuất hiện, công cụ đá đã hoàn toàn bị loại bỏ.

Nhờ có công cụ bằng sắt, người ta có thể khai phá đất hoang, trồng cấy trên một khoảnh đất rộng lớn, hay có thể chặn một đàn súc vật hàng trăm con trên đồng cỏ. Mùa màng, thịt, da và lông thú mà họ thu hoạch được ngày càng nhiều. Thế là, lần đầu tiên trên chặng đường dài của lịch sử con người đã tự sản xuất được không chỉ đủ nuôi sống mình, mà còn có của dư thừa thường xuyên.